

Đơn vị ra đề: THPT Hồng Ngự 2

Thời gian: 60 phút (không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (32 câu, từ câu 1 đến câu 32)**Câu 1: (ID: 70754)** Tình trạng nào sau đây ở gà có mức phản ứng hẹp nhất?

- A. Sản lượng trứng. B. Trọng lượng trứng.
C. Sản lượng thịt. D. Hàm lượng prôtêin trong thịt..

Câu 2: (ID: 70756) Hiện tượng di truyền theo dòng mẹ liên quan với trường hợp nào dưới đây?

- A. Gen trên X. B. Gen trên Y.
C. Di truyền qua tế bào chất. D. A và C đúng.

Câu 3: (ID: 70758) Trong trường hợp các gen phân li độc lập, các tế bào của cơ thể có kiểu gen AaBbCCdd giảm phân sẽ tạo ra số loại giao tử là:

- A. 2 B. 8 C. 4 D. 6

Câu 4: (ID: 70759) Cho sơ đồ mô tả 1 dạng đột biến cấu trúc NST: ABCDEFGH → AEFBCDGH (các chữ cái biểu thị các gen trên NST). Đó là dạng đột biến:

- A. mất đoạn. B. đảo đoạn. C. lặp đoạn. D. chuyển đoạn.

Câu 5: (ID: 70763) Cho lúa F₁ thân cao, hạt dài dị hợp tử về 2 cặp gen tự thụ phấn thu được F₂ gồm 600 cây với 4 loại kiểu hình khác trong đó có 96 cây thân thấp, hạt gạo tròn. Cho biết mọi diễn biến của NST trong giảm phân là hoàn toàn giống nhau. Tần số hoán vị gen là:

- A. 10%. B. 16%. C. 20%. D. 40%.

Câu 6: (ID: 70766) Quan hệ nào dưới đây là **không** đúng?

- A. Kiểu hình là kết quả sự tương tác giữa kiểu gen với môi trường.
B. Kiểu gen quy định kiểu hình cụ thể của sinh vật.
C. Môi trường quyết định kiểu hình cụ thể của cơ thể sinh vật.
D. Năng suất là kết quả tác động của giống và kỹ thuật.

Câu 7: (ID: 70768) Thể đột biến là:

- A. những biến đổi liên quan đến ADN hoặc nhiễm sắc thể.
B. những biểu hiện ra kiểu hình của tế bào bị đột biến.
C. những cá thể mang đột biến đã được biểu hiện trên kiểu hình của cơ thể.
D. thể đột biến chỉ xuất hiện ở các cá thể mang đột biến.

Câu 8: (ID: 70769) Tần số đột biến gen phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây?

- A. Vai trò của gen đột biến trong quần thể đó.
B. Có sự di nhập đột biến từ quần thể khác sang.
C. Độ phân tán của gen đột biến trong quần thể đó.
D. Loại tác nhân, liều lượng của tác nhân và độ bền vững của gen.

Câu 9: (ID: 70770) Ví dụ nào sau đây **không** phải là thường biến?

- A. Cây rau mác khi chuyển từ môi trường cạn xuống môi trường nước thì có thêm lá hình bản dãi.
- B. Con tắc kè hoa đổi màu theo nền môi trường.
- C. Sâu rau có màu xanh như lá rau.
- D. Một số loài thú ở xứ lạnh về mùa đông có bộ lông dày màu trắng, về mùa hè lông thưa hơn và chuyển sang màu vàng hoặc xám.

Câu 10: (ID : 70772) Thể dị bội là:

- A. biến đổi số lượng NST ở một vài cặp.
- B. cơ thể mà trong tế bào sinh dưỡng của nó đáng lẽ chứa 2 NST ở mỗi cặp tương đồng thì lại chứa 3 hoặc nhiều NST, hoặc chỉ chứa 1 NST, hoặc thiếu hẳn NST đó.
- C. giao tử đáng lẽ chứa 1 NST của cặp tương đồng thì lại chứa 2 NST.
- D. một hoặc vài cặp NST không phân li ở kỳ sau của quá trình phân bào.

Câu 11: (ID : 70773) Ở chim và bướm, nhiễm sắc thể xác định giới tính là

- A. con cái: XX, con đực: XY.
- B. con cái: XY, con đực: XX.
- C. con cái: XO, con đực: XX.
- D. con cái: XX, con đực: XO.

Câu 12: (ID : 70775) Trong mối quan hệ giữa giống- kỹ thuật canh tác- năng suất cây trồng thì

- A. năng suất phụ thuộc nhiều vào chất lượng giống, ít phụ thuộc vào kỹ thuật canh tác.
- B. năng suất chủ yếu phụ thuộc vào kỹ thuật canh tác mà ít phụ thuộc vào chất lượng giống.
- C. năng suất là kết quả tác động của cả giống và kỹ thuật canh tác.
- D. giới hạn của năng suất phụ thuộc vào kỹ thuật canh tác.

Câu 13: (ID : 70777) Ở cà chua, alen A quy định quả đỏ trội hoàn toàn so với alen a quy định quả vàng. Có thể tạo ra cây cà chua tứ bội có kiểu gen AAaa bằng cách:

- A. tứ bội hoá hợp tử lưỡng bội dị hợp.
- B. lai giữa các cây cà chua quả đỏ tứ bội dị hợp với nhau.
- C. lai giữa cà chua tứ bội thuần chủng quả đỏ và quả vàng với nhau.
- D. Cả 3 cách trên đều có thể.

Câu 14: (ID : 70779) Hình dạng quả của bí ngô được quy định bởi 2 cặp gen không alen: kiểu gen D - F- cho quả dẹt, kiểu gen ddff cho quả dài, còn lại cho quả tròn. Nếu cơ thể DdFf tự thụ phấn sẽ cho tỉ lệ kiểu hình ở đời sau là:

- A. 9 : 6 : 1.
- B. 9 : 3 : 3 : 1.
- C. 4 : 3.
- D. 9 : 7.

Câu 15: (ID : 70781) Gen di truyền theo quy luật di truyền chéo nằm trên loại NST nào sau đây?

- A. NST thường.
- B. NST giới tính X.
- C. NST giới tính Y.
- D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 16: (ID : 70786) Với phép lai giữa các kiểu gen AaBbDd và aaBbDD, xác suất thu được kiểu gen AaBbDd là bao nhiêu?

- A. 27/64
- B. 3/8
- C. 1/8
- D. 3/64

Câu 17: (ID : 70787) Quá trình xoắn nhiều bậc của NST ở sinh vật nhân thực theo thứ tự nào sau đây?

- A. ADN → nuclêôxôm → sợi cơ bản → crômatit → sợi nhiễm sắc.
- B. ADN → nuclêôxôm → sợi cơ bản → sợi nhiễm sắc → crômatit.
- C. ADN → sợi cơ bản → nuclêôxôm → sợi nhiễm sắc → crômatit.
- D. ADN → nuclêôxôm → sợi nhiễm sắc → sợi cơ bản → crômatit.

Câu 18: (ID : 70794) Ở người, mất đoạn nhiễm sắc thể 21 sẽ gây nên bệnh gì?

- A. Đao. B. Ung thư máu. C. Máu khó đông. D. Hồng cầu hình lưỡi liềm.

Câu 19: (ID: 70796) Đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể thường gây chết hoặc giảm sức sống của sinh vật thuộc đột biến

- A. chuyển đoạn. B. lặp đoạn. C. đảo đoạn. D. mất đoạn.

Câu 20: (ID: 70798) Một loài sinh vật có bộ nhiễm sắc thể $2n$. Trong quá trình giảm phân, tất cả các cặp nhiễm sắc thể của tế bào không phân li tạo giao tử $2n$. Khi thụ tinh, sự kết hợp của giao tử $2n$ này với giao tử bình thường (n) sẽ tạo ra hợp tử có thể phát triển thành

- A. thể tam bội. B. thể đơn bội. C. thể tứ bội. D. thể ba nhiễm.

Câu 21: (ID: 70801) Cơ sở tế bào học của định luật phân li là:

A. Sự phân li độc lập của các cặp nhiễm sắc thể đồng dạng trong giảm phân và tổ hợp tự do trong thụ tinh.

B. Sự tiếp hợp và trao đổi chéo của các cặp nhiễm sắc thể đồng dạng.

C. Sự phân li của các nhiễm sắc thể tương đồng trong giảm phân và tổ hợp trong thụ tinh.

D. Cơ chế tự nhân đôi trong kì trung gian và sự tổ hợp trong thụ tinh của nhiễm sắc thể.

Câu 22: (ID: 70802) Cây lai xa giữa cải củ ($2nR = 18$) với cải bắp ($2nB = 18$) hữu thụ được gọi là

A. Thể đa bội chẵn với 36 NST.

B. Thể lưỡng bội với 18 NST.

C. Thể tứ bội có $4n = 36$ NST.

D. Thể song nhị bội.

Câu 23: (ID: 70959) Tính thoái hóa của mã di truyền thể hiện ở điểm:

A. 1 loại axit amin thường được mã hóa bởi nhiều bộ ba.

B. Tất cả các loài sinh vật đều dùng chung 1 bộ mã di truyền.

C. Được đọc liên tục từ một chiều không gối lên nhau.

D. 1 bộ ba chỉ mã hóa cho 1 loại axit amin.

Câu 24: (ID: 70961) Gen đột biến có chiều dài không đổi nhưng giảm 1 liên kết hiđrô so với gen ban đầu. Đây là dạng đột biến

A. thay thế 1 cặp A – T bằng 1 cặp G – X.

B. thay thế 1 cặp G – X bằng 1 cặp A – T.

C. mất 1 cặp A – T.

D. mất 1 cặp G – X.

Câu 25: (ID: 70962) Quá trình giải mã kết thúc khi

A. ribôxôm tiếp xúc với codon AUG trên mRNA.

B. ribôxôm rời khỏi mRNA và trở về trạng thái tự do.

C. ribôxôm gắn axit amin Met vào vị trí cuối cùng của chuỗi polipeptit.

D. ribôxôm tiếp xúc với một trong 3 codon UAA, UAG, UGA trên mRNA.

Câu 26: (ID: 70963) Đối với Operon Lac ở *E. coli* thì lactôzơ đóng vai trò

A. chất kích thích.

B. chất cảm ứng.

C. chất ức chế.

D. chất bất hoạt.

Câu 27: (ID: 70964) Trong quá trình nhân đôi ADN mạch đơn mới được tổng hợp liên tục từ mạch khuôn nào?

A. Cả 2 mạch của ADN.

B. Không có chiều nhất định.

C. Mạch có chiều $3' \rightarrow 5'$.

D. Mạch có chiều $5' \rightarrow 3'$.

Câu 28: (ID: 70965) Điều kiện cơ bản đảm bảo cho sự di truyền độc lập các cặp tính trạng là:

A. Các gen không hòa lẫn vào nhau.

B. Mỗi gen phải nằm trên mỗi NST khác nhau.

C. Số lượng cá thể nghiên cứu phải lớn.

D. Gen trội phải lấn át hoàn toàn gen lặn.

Câu 29: (ID: 70966) Trong quá trình giảm phân của ruồi giấm cái có kiểu gen $\frac{Ab}{aB}$ đã xảy ra hoán vị với tần số 17%. Tỷ lệ các loại giao tử được tạo ra từ ruồi giấm này là:

- A. $\underline{AB} = \underline{ab} = 17\%$, $\underline{Ab} = \underline{aB} = 33\%$.
B. $\underline{AB} = \underline{ab} = 33\%$, $\underline{Ab} = \underline{aB} = 17\%$.
C. $\underline{AB} = \underline{ab} = 8,5\%$, $\underline{Ab} = \underline{aB} = 41,5\%$.
D. $\underline{AB} = \underline{ab} = 41,5\%$, $\underline{Ab} = \underline{aB} = 8,5\%$.

Câu 30: (ID: 70967) Phép lai về 3 cặp tính trạng trội, lặn hoàn toàn giữa 2 cá thể AaBbDd x AaBbDd sẽ cho ra thế hệ sau có

- A. 8 kiểu hình, 12 kiểu gen.
B. 8 kiểu hình, 18 kiểu gen.
C. 4 kiểu hình, 9 kiểu gen.
D. 8 kiểu hình, 27 kiểu gen.

Câu 31: (ID: 70968) Một gen chi phối đến sự hình thành nhiều tính trạng được gọi là

- A. gen tăng cường. B. gen đa hiệu. C. gen điều hòa. D. tương tác gen.

Câu 32: (ID: 70969) Ở đậu Hà Lan, alen A quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với alen a quy định hoa trắng. Cho biết quá trình giảm phân diễn ra bình thường. Phép lai cho đời con có tỉ lệ kiểu hình phân li theo tỉ lệ 3 cây hoa đỏ : 1 cây hoa trắng là:

- A. AA x aa. B. AA x Aa. C. Aa x aa. D. Aa x Aa.

II. PHẦN TỰ CHỌN

Thí sinh chỉ được quyền chọn một trong hai phần A hoặc B

A. Dành cho chương trình chuẩn (8 câu, từ câu 33 đến câu 40)

Câu 33: (ID: 70970) Trong quá trình nhân đôi ADN, vì sao trên mỗi chạc tái bản có một mạch được tổng hợp liên tục còn mạch kia được tổng hợp gián đoạn?

- A. Vì enzym ADN pôlimêraza chỉ tác dụng lên một mạch.
B. Vì enzym ADN pôlimêraza chỉ tổng hợp mạch mới theo chiều $5' \rightarrow 3'$.
C. Vì enzym ADN pôlimêraza chỉ tác dụng lên mạch khuôn $5' \rightarrow 3'$.
D. Vì enzym ADN pôlimêraza chỉ tác dụng lên mạch khuôn $3' \rightarrow 5'$.

Câu 34: (ID: 70971) Trong quá trình phiên mã, ARN pôlimêraza sẽ liên kết với vùng nào để làm gen tháo xoắn ?

- A. Vùng mã hóa. B. Vùng kết thúc. C. Vùng vận hành. D. Vùng điều hòa.

Câu 35: (ID: 70972) Một phân tử mRNA có chiều dài 5100 Å, phân tử này mang thông tin mã hoá cho:

- A. 600 axit amin. B. 499 axit amin. C. 498 axit amin. D. 502 axit amin.

Câu 36: (ID: 70973) Nội dung chính của sự điều hòa hoạt động gen là

- A. điều hòa hoạt động nhân đôi ADN. B. điều hòa quá trình dịch mã.
C. điều hòa quá trình phiên mã. D. điều hòa lượng sản phẩm của gen.

Câu 37: (ID: 70974) Màu da của người do ít nhất 3 gen (A, B, C) quy định theo kiểu tương tác cộng gộp. Hai người có kiểu gen dị hợp cả 3 cặp gen (AaBbCc) kết hôn với nhau, thì xác suất để họ sinh được người con có màu da trắng nhất (aabbcc) là

- A. 1/12 B. 1/36. C. 1/9. D. 1/64.

Câu 38: (ID: 70975) Để nhận biết trứng tầm nở ra tầm đực, cái người ta dựa vào gen

- A. di truyền ngoài nhân. B. nằm trên nhiễm sắc thể thường.
C. đa hiệu. D. di truyền liên kết với giới tính.

Câu 39: (ID: 70976) Ở giống thỏ Himalaya, nhiệt độ cao ảnh hưởng đến sự biểu hiện của gen tổng hợp melanin như thế nào?

- A. Nhiệt độ cao làm melanin được tổng hợp nhiều.
- B. Nhiệt độ cao làm melanin bị phân hủy.
- C. Nhiệt độ cao làm enzym tổng hợp melanin bị phân hủy.
- D. Nhiệt độ cao tạo ra prôtêin ức chế gen tổng hợp melanin.

Câu 40: (ID: 70977) Màu sắc hoa cẩm tú cầu thay đổi từ tím đến đỏ phụ thuộc

- A. nhiệt độ môi trường.
- B. chất dinh dưỡng trong đất.
- C. nồng độ muối.
- D. pH của đất.

B. Dành cho chương trình nâng cao (8 câu, từ câu 41 đến câu 48)

Câu 41: (ID: 70978) Đặc điểm cấu trúc di truyền của một quần thể tự phối trong thiên nhiên như thế nào?

- A. Có cấu trúc di truyền ổn định.
- B. Các cá thể trong quần thể có kiểu gen đồng nhất.
- C. Phần lớn các gen ở trạng thái đồng hợp.
- D. Quần thể ngày càng thoái hóa.

Câu 42: (ID: 70979) Ý nghĩa thực tiễn của định luật Hacđi- Vanbec là gì khi biết quần thể ở trạng thái cân bằng?

- A. Giải thích vì sao trong thiên nhiên có nhiều quần thể duy trì ổn định qua thời gian dài.
- B. Từ tỉ lệ kiểu hình lặn có thể suy ra tần số alen lặn, alen trội và tần số của các loại kiểu gen.
- C. Từ tần số của các alen có thể dự đoán tần số các loại kiểu gen và kiểu hình trong quần thể.
- D. B và C đúng.

Câu 43: (ID: 70980) Ngô là cây giao phấn, khi cho tự thụ phấn bắt buộc qua nhiều thế hệ thì tỉ lệ các kiểu gen trong quần thể sẽ biến đổi theo hướng

- A. tỉ lệ kiểu gen đồng hợp trội và tỉ lệ kiểu gen dị hợp giảm dần.
- B. tỉ lệ kiểu gen đồng hợp lặn và tỉ lệ kiểu gen dị hợp tăng dần.
- C. tỉ lệ kiểu gen dị hợp tăng dần, tỉ lệ kiểu gen đồng hợp giảm dần.
- D. tỉ lệ kiểu gen dị hợp giảm dần, tỉ lệ kiểu gen đồng hợp tăng dần.

Câu 44: (ID: 70981) Ở một loài thực vật giao phấn, xét một gen có 2 alen, alen A quy định hoa màu đỏ trội không hoàn toàn so với alen a quy định hoa màu trắng, thể dị hợp về cặp gen này có hoa màu hồng. Quần thể nào sau đây của loài trên đang ở trạng thái cân bằng di truyền?

- A. Quần thể gồm các cây có hoa màu đỏ và các cây có hoa màu hồng.
- B. Quần thể gồm tất cả các cây đều có hoa màu hồng.
- C. Quần thể gồm tất cả các cây đều có hoa màu đỏ.
- D. Quần thể gồm các cây có hoa màu đỏ và các cây có hoa màu trắng.

Câu 45: (ID: 70982) Để tạo giống mới mang đặc điểm của cả 2 loài mà bằng cách tạo giống thông thường không thể tạo ra được người ta dùng công nghệ tế bào nào?

- A. Nuôi cấy tế bào.
- B. Tạo giống bằng chọn dòng xôma có biến dị.
- C. Nuôi cấy hạt phấn.
- D. Dung hợp tế bào trần.

Câu 46: (ID: 70983) Trong kỹ thuật di truyền, đối tượng thường được sử dụng làm “nhà máy” sản xuất các sản phẩm sinh học là:

- A. Vi khuẩn *E.coli*.
- B. Tế bào thực vật.
- C. Tế bào động vật.
- D. Tế bào người.

Câu 47: (ID: 70984) Để tạo dòng thuần ổn định trong chọn giống cây trồng, phương pháp hiệu quả nhất là:

- A. Cho tự thụ phấn bắt buộc.
- B. Lưỡng bội hóa các tế bào đơn bội của hạt phấn.
- C. Lai các tế bào sinh dưỡng của 2 loài khác nhau.
- D. Tứ bội hóa các tế bào thu được do lai xa.

Câu 48: (ID: 70985) Đối với một bệnh di truyền do gen đột biến trội nằm trên NST thường, nếu một trong hai bố mẹ bình thường, người kia mắc bệnh thì tỉ lệ con của họ mắc bệnh sẽ là:

- A. 50%
- B. 0%
- C. 25%
- D. 75%

- Hết-

Tuyensinh247.com

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỒNG THÁP

KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HỌC KÌ I

Năm học: 2012-2013

Môn thi: SINH HỌC – lớp 12

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ ĐỀ XUẤT

(Hướng dẫn chấm gồm có 01 trang)

Đơn vị ra đề: THPT Hồng Ngự 2

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1-10	D	C	B	B	C	B	C	D	C	B
11-20	B	C	D	A	B	C	B	B	D	A
21-30	A	D	A	B	D	B	C	B	C	D
31-40	B	D	B	D	B	D	D	D	C	D
41-48	C	D	D	C	D	A	B	D		